

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

Căn cứ Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 30/2012/QĐ-TTg ngày 18/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-TTg ngày 01/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu hoàn thành mục tiêu Chương trình 135 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc công nhận thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực I, II, III thuộc vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2012 - 2015;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng, Chánh Văn phòng Điều phối Chương trình 135,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh khu vực 105 xã của 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc vùng dân tộc và miền núi, cụ thể như sau:

- Điều chỉnh 30 xã từ khu vực III sang xã khu vực II;
- Điều chỉnh 03 xã từ khu vực III sang xã khu vực I;
- Điều chỉnh 72 xã từ khu vực II sang xã khu vực I.

(Có danh sách chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế nội dung các xã có tên tương ứng trong Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ;
- BT, CN và các TT, PCN UBND;
- Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc;
- Website UBND;
- Lưu: VT, VP135 (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỦ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**



Sơn Phước Hoan

Sơn Phước Hoan

**DANH SÁCH XÃ ĐIỀU CHỈNH KHU VỰC I, II, III VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số **43** /QĐ-UBND ngày **29** tháng **02** năm 2016 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc) *ly*

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
	TỔNG SỐ	105		
1.	TỈNH VINH PHÚC	3		
	HUYỆN TAM ĐẢO			
		Xã Yên Dương	III	II
		Xã Bồ Lý	II	I
		Xã Đạo Trù	II	I
2.	TỈNH QUẢNG NINH	5		
	HUYỆN TIỀN YÊN			
		Xã Điện Xá	III	II
	HUYỆN HOÀNH BỒ			
		Xã Tân Dân	II	I
	HUYỆN BA CHÈ			
		Xã Lương Mông	II	I
		Xã Minh Cầm	II	I
	HUYỆN ĐÀM HÀ			
		Xã Quảng Tân	II	I
3.	TỈNH HÀ GIANG	3		
	HUYỆN QUẢN BA			
		Thị trấn Tam Sơn	II	I
		Xã Đông Hà	II	I
	HUYỆN HOÀNG SU PHÌ			
		Xã Thông Nguyên	II	I
4.	TỈNH TUYỀN QUANG	4		
	HUYỆN LÂM BÌNH			
		Xã Thượng Lâm	III	II
	HUYỆN CHIÊM HÓA			
		Xã Kim Bình	III	II
	HUYỆN YÊN SƠN			
		Xã Mỹ Bằng	II	I
	HUYỆN SƠN DƯƠNG			
		Xã Tân Trào	II	I
5.	TỈNH LÀO CAI	4		
	HUYỆN BẢO YÊN			
		Xã Nghĩa Đô	III	II
		Xã Yên Sơn	II	I
	HUYỆN VĂN BÀN			

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
		Xã Hòa Mạc	II	I
	HUYỆN BÁT XÁT	Xã Cốc Sơn	II	I
6. TỈNH THÁI NGUYÊN		7		
	HUYỆN VĨNH NAI	Xã Lâu Thượng	II	I
	HUYỆN ĐỊNH HÓA	Xã Bảo Cường	III	II
		Xã Phương Tiến	III	II
	HUYỆN ĐÔNG HỖ	Xã Minh Lập	II	I
		Xã Hoàng Thượng	II	I
		Xã Khe Mỏ	II	I
	HUYỆN ĐẠI TỪ	Xã Bản Ngoại	II	I
7. TỈNH PHÚ THỌ		4		
	HUYỆN CẨM KHÊ	Xã Tuy Lộc	II	I
		Xã Thanh Nga	II	I
	HUYỆN THANH THỦY	Xã Tu Vũ (2 khu)	II	I
		Xã Thạch Đông (2khu)	II	I
8. TỈNH ĐIỆN BIÊN		1		
	TP. ĐIỆN BIÊN PHỦ	Xã Thanh Minh	II	I
9. TỈNH LAI CHÂU		4		
	HUYỆN THAN UYÊN	Xã Hua Nà	III	II
	HUYỆN MƯỜNG TÈ	Xã Mường Tè	III	II
		Thị trấn Mường Tè	II	I
	HUYỆN NẬM NHÙN	Thị trấn Nậm Nhùn	II	I
10. TỈNH SƠN LA		2		
	HUYỆN QUỲNH NẠI	Xã Chiềng Bằng	II	I
		Xã Mường Chiên	II	I
11. TỈNH HÒA BÌNH		2		
	HUYỆN TÂN LẠC	Xã Từ Nê	II	I
	HUYỆN LƯƠNG SƠN	Xã Trường Sơn	II	I

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBDT	Sang khu vực
12. TỈNH THANH HÓA		2		
	HUYỆN BÀ THƯỚC	Xã Điền Lư	II	I
	HUYỆN NHƯ THANH	Xã Yên Thọ	II	I
13. TỈNH NGHỆ AN		3		
	HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG	Xã Thạch Giám	III	II
	HUYỆN NGHĨA ĐÀN	Xã Nghĩa Long	II	I
	HUYỆN QUỲ HỢP	Xã Nghĩa Xuân	II	I
14. TỈNH HÀ TĨNH		5		
	HUYỆN KỶ ANH	Xã Kỳ Trung	III	I
	THỊ XÃ KỶ ANH	Phường Kỳ Thịnh Phường Kỳ Trinh	II II	I I
	HUYỆN VŨ QUANG	Hương Minh	II	I
	HUYỆN HƯƠNG SƠN	Xã Sơn Kim I	II	I
15. TỈNH QUẢNG TRỊ		2		
	HUYỆN ĐÀKRÔNG	Xã Hải Phúc	II	I
	HUYỆN HƯỚNG HÓA	Xã Tân Hợp	II	I
16. TỈNH QUẢNG NAM		1		
	HUYỆN ĐÔNG GIANG	Xã Ba	II	I
17. TỈNH PHŨ YÊN		3		
	HUYỆN SÔNG HINH	Xã Ea Ly Xã Sơn Giang Xã Đức Bình Tây	III II II	II I I
18. TỈNH KON TUM		1		
	HUYỆN ĐẮK HÀ	Xã Đăk Mar	II	I
19. TỈNH GIA LAI		5		
	HUYỆN CHƯ SÊ	Xã Ia Blang Xã AIBã	II III	I II

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
	HUYỆN ĐỨC CỐ			
		Xã Ia Dom	II	I
		Xã Ia Lang	III	II
	HUYỆN ĐAK ĐOÀ			
		Xã K'Dang	II	I
20.	TỈNH LÂM ĐỒNG	13		
	HUYỆN ĐƠN DƯƠNG			
		Xã Ka Đơn	III	II
		Xã Đạ Ròn	III	II
		Xã Pró	III	II
	HUYỆN ĐẠ TÊH			
		Xã Quảng Trị	III	II
		Xã An Nhơn	II	I
		Xã Đạ Lây	II	I
		Xã Mỹ Đức	II	I
	HUYỆN LẠC DƯƠNG			
		Xã Đạ Nhim	II	I
		Xã Đạ Sar	II	I
	HUYỆN ĐỨC TRỌNG			
		Xã Ninh Loan	II	I
	HUYỆN ĐẠ HUOAI			
		Xã Đạ Oai	II	I
	HUYỆN CÁT TIÊN			
		Thị trấn Cát Tiên	II	I
		Xã Quảng Ngãi	II	I
21.	TỈNH BÌNH PHƯỚC	3		
	HUYỆN ĐÔNG PHỦ			
		Tân Hòa	II	I
		Tân Hưng	II	I
	HUYỆN HÓN QUẢN			
		Thanh An	II	I
22.	TỈNH TRÀ VINH	8		
	HUYỆN CẦU KÈ			
		Xã Phong Phú	III	II
		Xã Châu Điền	II	I
	HUYỆN TRÀ CÚ			
		Xã Đại An	III	II
		Xã Ngọc Biên	III	I
	HUYỆN TIÊU CÀN			
		Xã Hùng Hòa	III	II
		Xã Long Thới	III	II
		Xã Tân Hùng	III	II

STT	Tỉnh/ huyện	Tên xã	Điều chỉnh khu vực	
			Từ khu vực quy định tại Quyết định số 447/QĐ-UBND	Sang khu vực
	HUYỆN CẦU NGANG			
		Xã Kim Hòa	III	II
23.	TỈNH KIÊN GIANG	2		
	HUYỆN CHÂU THÀNH			
		Xã Minh Hòa	II	I
	HUYỆN VĨNH THUẬN			
		Xã Phong Đông	II	I
24.	TỈNH SÓC TRĂNG	14		
	HUYỆN CHÂU THÀNH			
		Xã Hồ Đắc Kiên	III	II
		Xã Phú Tân	III	II
	HUYỆN LONG PHÚ			
		Xã Trường Khánh	III	II
		Xã Tân Thạnh	II	I
	HUYỆN TRẦN ĐỀ			
		Xã Thạnh Thới Thuận	III	I
	THỊ XÃ NGÃ NĂM			
		Xã Tân Long	III	II
		Vĩnh Biên (Phường 3)	III	II
		Phường 1	II	I
	HUYỆN MỸ XUYẾN			
		Xã Hòa Tú 2	III	II
		Xã Ngọc Đông	II	I
		Xã Ngọc Tô	II	I
		Xã Đại Tâm	III	II
	HUYỆN KẾ SÁCH			
		Xã Ba Trinh	II	I
		Xã Phong Năm	II	I
25.	TỈNH CÀ MAU	4		
	HUYỆN NGỌC HIỀN			
		Xã Tân Ân	II	I
		Xã Tân Ân Tây	II	I
	HUYỆN NĂM CĂN			
		Xã Lâm Hải	II	I
	HUYỆN PHÚ TÂN			
		Xã Tân Hải	II	I

2

73

DANH SÁCH CÁC TỈNH GỬI QUYẾT ĐỊNH ĐIỀU CHỈNH XÃ
KHU VỰC I, II, III VÙNG DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI

1. TỈNH VĨNH PHÚC
2. TỈNH QUẢNG NINH
3. TỈNH HÀ GIANG
4. TỈNH TUYÊN QUANG
5. TỈNH LÀO CAI
6. TỈNH THÁI NGUYÊN
7. TỈNH PHÚ THỌ
8. TỈNH ĐIỆN BIÊN
9. TỈNH LAI CHÂU
10. TỈNH SƠN LA
11. TỈNH HÒA BÌNH
12. TỈNH THANH HÓA
13. TỈNH NGHỆ AN
14. TỈNH HÀ TĨNH
15. TỈNH QUẢNG TRỊ
16. TỈNH QUẢNG NAM
17. TỈNH PHÚ YÊN
18. TỈNH KON TUM
19. TỈNH GIA LAI
20. TỈNH LÂM ĐỒNG
21. TỈNH BÌNH PHƯỚC
22. TỈNH TRÀ VINH
23. TỈNH KIÊN GIANG
24. TỈNH SÓC TRĂNG
25. TỈNH CÀ MAU